TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2017/DS-PT
Ngày: 28 – 8 - 2017
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Hồ Tuấn Anh

Bà Nguyễn Thúy Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Ánh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS- ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 140/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T; cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thúy H; cư trú tại: Số đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của bà T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2016); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị N; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết N; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị Khánh L; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu vực, phường N, Thành phố Q , tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của chị Li, chị Ngọc, chị Thanh: Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của chị L, chị N, chị T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2016); có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L; cư trú tại: Thôn T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho bà T, bà: Bà Huỳnh Thị Thúy H; cư trú tại: Số đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà L (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2016); có mặt.

6. Anh Huỳnh Ái D; vắng mặt.

7. Chị Đặng Thị T; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của anh D, chị T: Bà Nguyễn Thị Tuyết N; cư trú tại: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của anh D, chị T (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/12/2016); có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N là bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Khánh L trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/4/2015, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Thúy H người đại diện hợp pháp của Bà Nguyễn Thị Thanh T, Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cha bà T tên Nguyễn Trọng L chết năm 1994, mẹ tên Nguyễn Thị H chết năm 2000, có 05 người con chung: Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Tuyết N, cha mẹ bà T không có con riêng, con nuôi. Di sản cha mẹ bà T chết để lại là một ngôi nhà cấp bốn nằm trên thửa đất số 598, tờ bản đồ số 11 diện tích 994 m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/1996 cho cụ Nguyễn Thị H, hiện nay

thửa đất trên được tách thành 02 thửa là thửa số 53 diện tích 687,7 m^2 và thửa số 62 diện tích 294,6 m^2 tờ bản đồ số 29 tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Năm 2014, ông Nguyễn Văn B chết có vợ bà Nguyễn Thị N cùng các con Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T đã tự ý đập phá ngôi nhà cũ của cha mẹ bà, xây dựng một ngôi nhà mới trên thửa đất số 53, diện tích 687,7m^2.

Nay bà T yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ bà chết để lại đối với thửa đất số 53, diện tích 687,7m^2 hiện nay bà Nguyễn Thị N đang quản lý, sử dụng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị N đồng thời là người đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Khánh L, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ gia đình và nguồn gốc nhà đất cha mẹ chồng bà để lại. Năm 2014, ngôi nhà của cha mẹ chồng bà bị hư hỏng nên Bà Nguyễn Thị T đã nói vợ chồng bà sửa chữa lại nhà nên tháng 02/2014 âm lịch đã sửa chữa lại ngôi nhà trên được sự đồng ý của tất cả các anh chị em. Sau khi sửa chữa nhà xong thì chồng bà chết, bà và các con ở tại ngôi nhà trên từ đó đến nay, phần đất còn lại bỏ trống.

Nay Bà Nguyễn Thị Thanh T yêu cầu chia tài sản chung đối với phần đất bà đang quản lý, sử dụng bà không đồng ý vì trước khi chết cha mẹ chồng đã nói miệng cho thửa đất trên để vợ chồng bà ở và thờ cúng.

Đối với phần đất ruộng nhà nước đã cấp cho chị Nguyễn Thị Khánh L hiện nay đã bị thu hồi và đền bù tiền; bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N trả lại số tiền đền bù cho chị L là 37.000.000 đồng và phần diện tích đất nông nghiệp nhà nước cấp cho chị L chưa bị thu hồi nhưng tại phiên tòa bà rút lại yêu cầu này.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N cũng là người đại diện của anh Huỳnh Ái D, chị Đặng Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ gia đình, về nguồn gốc nhà đất cha mẹ chết để lại và yêu cầu chia thừa kế đối với phần diện tích đất 687,7m^2 hiện nay bà Nguyễn Thị N đang quản lý, sử dụng. Bà yêu cầu chia phần đất trên cho hàng thừa kế của cha mẹ bà và xin được nhận đất.

Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 25/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện T quyết định:

Giao cho bà T, bà T, bà Loan, bà Tuyết N được quyền sử dụng chung phần đất có diện tích là 528,43 m^2 (trong đó 63 m^2 đất ở; 465,43 m^2 đất trồng cây hàng năm) thuộc số thửa 53, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định;

Giao cho vợ và các con ông B là bà Thị N, chị L, chị N, chị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 159,27 m^2 (trong đó 77 m^2 đất ở; 82,27 m^2 đất trồng cây

hàng năm), thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định;

Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 294,6 m^2 (trong đó có 60 m^2 đất ở; 234,6 m^2 đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định;

Buộc bà Thị N, chị L, chị N, chị T phải thối lại cho bà T, bà T, bà L, bà N giá trị chênh lệch mỗi người được nhận 773.000 đồng;

Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Khánh L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N chia cho chị 37.000.000 đồng số tiền nhà nước đã đền bù đất nông nghiệp và chia phần diện tích đất nông nghiệp còn lại;

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm chậm thi hành án, chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 30/5/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm bác yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Tâm, vì đất cha mẹ đã cho vợ chồng bà và bà Nguyễn Thị Tuyết N.

Ngày 06/6/2017, bà N người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Khánh L kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm chấp nhận yêu cầu chị L chia 37.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà N sửa bản án sơ thẩm không quyết định về việc giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 294,6 m^2 (trong đó có 60 m^2 đất ở; 234,6 m^2 đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và án phí liên quan và không chấp nhận kháng cáo của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà T yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ bà chết để lại đối với thửa đất số 53 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định hiện nay bà Nguyễn Thị N đang quản lý, sử dụng nhưng bà N không chấp nhận trong khi đó, bà N thừa nhận đây là di sản của cha mẹ chồng chết để lại đã cho vợ chồng bà để thờ cúng. Như vậy, vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về thừa kế tài sản được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ L chết năm 1994, cụ H chết năm 2000; đến ngày 16/4/2015 bà T có đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ L, cụ H theo pháp luật; căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tóa án nhân dân Tối cao thì còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật.

[3] Về di sản thừa kế của cụ L, cụ H: Án sơ thẩm xác định quyền sử dụng thửa đất số 53 tờ bản đồ số 29, có diện tích 687,7 m^2 tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là di sản của cụ L, cụ H để lại chưa chia là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ: Các đồng thừa kế của cụ L, cụ đều thừa nhận đây tài sản của cụ L, cụ H có trước khi chết; điều này phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G408586 ngày 31/12/1996 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ Nguyễn Thị H. Còn bà N nại rằng cha mẹ chết đã cho vợ chồng bà ở để thờ cúng nhưng không có chứng chứng minh.

[4] Những người thừa kế theo pháp luật của cụ L, cụ H: Án sơ thẩm xác định những người thừa kế theo pháp luật của cụ L, cụ H gồm: bà T, bà T, bà L, bà Tuyết N và ông B là có căn cứ đúng quy định quy định điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì cụ L, cụ H có 05 người con: bà T, bà T, bà L, bà Tuyết N và ông B chết năm 2014; cụ, cụ H không có con riêng và con nuôi; còn cha mẹ của cụ L, cụ H chết trước cụ L, cụ H.

[5] Về phân chia di sản theo luật:

[5.1] Án sơ thẩm phân chia di sản theo giá trị cho bà T, bà T, bà L, bà Tuyết N và ông B mỗi người được nhận có giá trị là 8.711.470 đồng {(140 m^2 đất ở : 5 x 94.000 đồng) + (547,7 m^2 đất trồng cây hàng năm : 5 x 55.500 đồng)} là có căn cứ đúng theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2016 và Biên bản định giá tài ngày 14/12/2016.

[5.2] Án sơ thẩm phân chia bằng hiện vật:

Giao cho bà T, bà T, bà L, bà Tuyết N được quyền sử dụng chung phần đất có diện tích là 528,43 m^2 (trong đó 63 m^2 đất ở; 465,43 m^2 đất trồng cây hàng năm) thuộc số thửa 53, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có kích thước, giới cận: Đông giáp đất của ông Bùi Minh V có cạnh dài 56,45 m; Tây giáp đất của ông Võ Huy T, ông Phạm H dài 27,70 m+3,64 m+7,26 m+17,67 m+1,83 m+1,44 m; Nam giáp đất của bà Tuyết N dài 15,32 m; Bắc giáp đường bê tông dài 4 m. Giao cho vợ và các con ông B là bà Thị N, chị L, chị N, chị T được quyền sử dụng phần đất có diện tích 159,27 m^2 (trong đó 77 m^2 đất ở; 82,27 m^2 đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh tỉnh Bình Định; có kích thước, giới cận: Đông giáp đất của ông Bùi Minh V dài 27,70 m; Tây giáp phần đất còn lại dài 27,70 m; Nam giáp phần đất còn lại dài 5,75 m; Bắc giáp đường bê tông dài 5,75 m. Buộc bà Thị N, chị L, chị N, chị T phải thanh toán lại cho bà T, bà T, bà L, bà Tuyết N giá trị chênh lệch mỗi người được nhận 773.000 đồng là có căn cứ đúng tỉ phần được nhận khi chia, phù hợp sơ đồ hiện trạng kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện T đã đảm bảo giá trị tài sản của các đương sự đã xây dựng gắn liền với quá trình sử dụng đất, tránh xáo trộn bất tiện cho việc sử dụng đất sau này, đảm bảo tính kế thừa và bảo đảm giá trị sử dụng đất sau khi chia.

[6] Án sơ thẩm buộc bà T, bà L, bà Tuyết N, bà T chịu 435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và bà N, chị L, chị N, chị T liên đới phải chịu 435.000 đồng là đúng quy định tại khoản 7 Điều 27, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12.

[7] Do kháng cáo của bà N được chấp nhận một phần theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bà Nga không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Do kháng cáo của chị L không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì chị Li phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Án sơ thẩm buộc bà T, bà L, bà Tuyết N hoàn lại cho bà T 750.000 đồng. Bà Nga, chị Li, chị Ngọc, chị Thanh liên đới hoàn lại cho bà T 750.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá là đúng quy định tại khoản 1 Điều 157, tại khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[10] Bà N là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Khánh L kháng cáo chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị L. Thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm bà N đã rút yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu chia 37.000.000 đồng của chị L không xem xét giải quyết và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu chia 37.000.000 đồng của chị L là yêu cầu của người có quyền, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trong vụ án chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm thì Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N, chị L có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[11] Quyết định về giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 294,6 m^2 (trong đó có 60 m^2 đất ở; 234,6 m^2 đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có kích thước, giới cận: Đông giáp đất của ông Bùi Minh V; dài 17,50 m; Tây giáp đất ông Phạm H, bà Phạm Thị T; dài 6,81m+16,30 m; Nam giáp đường đi dài 5,70 m+10,19 m; Bắc giáp phần đất giao cho bà T, T, L, Tuyết N dài 15,32 m và bà Tuyết N phải chịu 1.368.500 đồng án phí dân sơ thẩm của bản án sơ thẩm. Thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vấn đề này là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 7 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì sửa án sơ thẩm không giải quyết vấn đề này.

[12] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà N sửa bản án sơ thẩm không quyết định về việc giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 294,6 m^2 (trong đó có 60 m^2 đất ở; 234,6 m^2 đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và án phí liên quan và không chấp nhận

kháng cáo của chị L là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 623, 649, 650, 660, điểm a khoản 1 Điều 651, điểm đ khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Toà án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà N sửa bản án sơ thẩm không quyết định về việc giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết N được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 294,6 m^2 (trong đó có 60 m^2 đất ở; 234,6 m^2 đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 62, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định và án phí liên quan. Không chấp nhận kháng cáo của chị L.

1. Giao cho Bà Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Tuyết N được quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 528,43 m^2 (trong đó 63 m^2 đất ở; 465,43 m^2 đất trồng cây hàng năm) thuộc số thửa 53, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có kích thước, giới cận: Đông giáp đất của ông Bùi Minh V dài 56,45 m; Tây giáp đất của ông Võ Huy T, ông Phạm H dài 27,70 m + 3,64 m + 7,26 m + 17,67 m + 1,83 m + 1,44 m; Nam giáp đất của bà Nguyễn Thị Tuyết N dài 15,32 m; Bắc giáp đường bê tông dài 4m (có sơ đồ kèm theo).

2. Giao bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T được quyền sử dụng phần đất diện tích là 159,27 m^2 (trong đó 77 m^2 đất ở; 82,27 m^2 đất trồng cây hàng năm), thuộc thửa số 53, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có kích thước, giới cận: Đông giáp đất của ông Bùi Minh V dài 27,70 m; Tây giáp phần đất còn lại dài 27,70 m; Nam giáp phần đất còn lại dài 5,75 m; Bắc giáp đường bê tông dài 5,75 m (có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc bà bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T liên đới thanh toán cho Bà Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Tuyết N 773.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng)

4. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Khánh L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N chia cho chị 37.000.000 đồng số tiền nhà nước đã đền bù đất nông nghiệp và chia phần diện tích đất nông nghiệp còn lại.

5. Về án phí, chi phí tố tụng:

5.1. Bà Nguyễn Thị Thanh T, Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Tuyết N mỗi người phải chịu 435.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; bà T được khấu trừ 1.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 08743 ngày 11 tháng 5 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà T được nhận lại 1.015.000 đồng.

5.2. Bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T liên đới phải chịu 435.000 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Chị Nguyễn Thị Khánh L được nhận lại 925.000 đồng (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002058 ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

5.4. Chị Nguyễn Thị Khánh L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002328 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chi Li đã nộp xong.

5.5. Bà Nguyễn Thị N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002329 ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5.6. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N Loan, bà Nguyễn Thị Tuyết N hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị T T 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn). Bà Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Khánh L, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị T liên đới hoàn lại cho Bà Nguyễn Thị T T 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn).

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- CCTHADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.

Lê Văn Thường